

Họ và tên HS:

Lớp: 1A...

Điểm đọc		<u>Nhận xét của giáo viên</u>
Đọc tiếng:.....		
Đọc thầm:.....		

I. Đọc thành tiếng. (6 điểm)

GV cho HS bốc thăm và đọc theo phiếu. Mỗi em đọc khoảng 2 đến 3 phút.

II. Đọc thầm bài văn và làm bài tập. (4 điểm) – (Thời gian làm bài: 15 phút)

Bài 1: Nối từ với hình vẽ cho phù hợp: (2 điểm)



quả quýt

bột nghệ

bánh chưng

bún chả

Bài 2: Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (2 điểm)

Bé Nga

Bé Nga chăm chỉ lắm. Cả nhà quý bé. Ở nhà, Nga mở vở chép bài, đạp xe, bế em giúp mẹ, nhổ tóc bạc cho ông. Ở lớp, Nga chăm học, chăm làm, lễ phép, học tốt, viết chữ đẹp. Nga là cô bé chăm chỉ.

Khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng.

1. Bài đọc trên có bao nhiêu câu? (0.5 điểm)

A. 4 câu

B. 5 câu

C. 6 câu

D. 7 câu

2. Ở nhà, Nga làm gì? (0.5 điểm)

- A. đi chơi

- B. đi chợ với bà

- ### C. đi đá bóng

- D. bố em giúp mẹ

3. Ở lớp, Nga như thế nào? (0.5 điểm)

- A. chăm học, chăm làm

- ### B. lễ phép

- C. học tốt, viết chữ đẹp

- D.Tất cả các đáp án trên

4. Nga là cô bé như thế nào? (0.5 điểm)

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIA THƯỢNG

(Đề kiểm tra viết – Thời gian làm bài 25 phút)

- bé đã biết quét nhà giúp mẹ.

rất/ hát/ Em bé/ tự nhiên.

A large grid of graph paper. It features a bold border around the perimeter. Inside this border is a grid of 20 columns and 10 rows. The grid is composed of solid lines for the outer border and dashed lines for the internal grid lines. The grid is intended for drawing a graph.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN TIẾNG VIỆT - LỚP 1

A. Phần kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc, phát âm rõ các vần khó, cần phân biệt : 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng):1 điểm
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (tối thiểu 30 tiếng / phút): 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ : 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

b. Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Bài 1 (2 điểm): Nối đúng mỗi hình được 0,5 điểm

Bài 2 (2 điểm):

Câu 1: Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: B)

Câu 2: Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: D)

Câu 3: Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: D)

Câu 4: Viết đúng được 0,5 điểm (Nga là cô bé chăm chỉ)

B. Phần kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả: 6 điểm

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ : 2 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định, sạch, đẹp : 1 điểm

II. Bài tập : 4 điểm

- 1.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5điểm
- 2.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5điểm
3. (2 điểm) Sắp xếp và viết đúng được 2 điểm